

Số: 439/QĐTN – ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

"V/v công nhận tốt nghiệp đại học chính quy – đợt xét tháng 8/2016"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ quyết định số 2638/QĐ-BYT ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ - BGD&ĐT ban hành ngày 15/8/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Qui định về tổ chức đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ – ĐHKTYTHD ban hành ngày 26/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ nghị quyết phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 11/8/2016.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy cho 421 sinh viên thuộc các ngành: Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Phục hồi chức năng và Kỹ thuật Hình ảnh y học.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Các ông, bà Trưởng phòng Đào tạo, phòng Kiểm định chất lượng Đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Hành chính quản trị, phòng Công tác học sinh-sinh viên, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng QLKH & HTQT, phòng Công nghệ thông tin, khoa Điều dưỡng, bộ môn Răng hàm mặt, bộ môn Gây mê hồi sức, khoa Y học lâm sàng, khoa Xét nghiệm, khoa Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng, khoa Chẩn đoán hình ảnh và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu.



HIỆU TRƯỞNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
1	2110212001	Đào Thị Vân An	21-05-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,12	Khá
2	2110212028	Ngô Thị Lựu	29-03-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,17	Khá
3	2110212043	Nguyễn Thị Hà	18-04-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12ĐD	6,66	TB - Khá
4	2110212143	Ngô Thị Loan	28-12-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,27	Khá
5	311021092	Lâm Thị Nhung	25-07-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,36	Khá
6	3110212001	Đỗ Thị Ngọc Anh	09-11-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,51	Khá
7	3110212002	Hoàng Kiều Anh	20-04-1994	Nữ	LB Nga	01ĐH12ĐD	7,08	Khá
8	3110212004	Nguyễn Thị Việt Anh	22-02-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,06	Khá
9	3110212005	Vũ Thị Vân Anh	25-08-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,88	TB - Khá
10	3110212006	Nguyễn Thị Bích	20-04-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12ĐD	7,48	Khá
11	3110212007	Nguyễn Thị Ngọc Bích	23-01-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,11	Khá
12	3110212008	Hoàng Thị Kim Cúc	09-03-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,11	Khá
13	3110212009	Nguyễn Thị Hương Cúc	10-06-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,41	Khá
14	3110212010	Lương Thị Dung	18-05-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	6,85	TB - Khá
15	3110212011	Nguyễn Thị Thùy Dung	10-12-1993	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12ĐD	6,86	TB - Khá
16	3110212012	Lê Thị Duyên	06-02-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,28	Khá
17	3110212013	Trần Thị Dương	09-03-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12ĐD	7,52	Khá
18	3110212014	Nguyễn Thị Đào	02-12-1993	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12ĐD	6,78	TB - Khá
19	3110212016	Nguyễn Hương Giang	05-12-1993	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	6,89	TB - Khá
20	3110212017	Nguyễn Thị Thanh Giang	17-08-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,24	Khá
21	3110212018	An Thị Hải Hà	25-09-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,25	Khá
22	3110212019	Lê Thị Hồng Hạnh	24-02-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	6,98	TB - Khá
23	3110212020	Lê Thị Mỹ Hạnh	21-07-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,01	Khá
24	3110212022	Trần Thị Hằng	21-09-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,36	Khá
25	3110212023	Phạm Thị Hiền	04-06-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,09	Khá
26	3110212025	Ngô Thị Hoà	24-08-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,48	Khá
27	3110212026	Trần Thị Hoà	21-04-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,06	Khá
28	3110212027	Đoàn Thị Hoài	15-01-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,39	Khá
29	3110212028	Vũ Hữu Hoàn	24-03-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,82	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
30	3110212029	Nguyễn Thị Hồng	24-10-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	6,63	TB - Khá
31	3110212030	Nguyễn Thị Huyền	12-05-1994	Nữ	Hải Phòng	01ĐH12ĐD	6,99	TB - Khá
32	3110212032	Hoàng Thị Hương	04-08-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,22	Khá
33	3110212033	An Thị Mai Hương	05-11-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,75	TB - Khá
34	3110212034	Phạm Thị Hương	22-04-1993	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,27	Khá
35	3110212035	Nguyễn Thị Khánh Linh	15-12-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,59	Khá
36	3110212036	Nguyễn Thị Loan	08-10-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,34	Khá
37	3110212037	Nguyễn Thị Loan	18-11-1994	Nữ	Hà Tĩnh	01ĐH12ĐD	7,23	Khá
38	3110212039	Nguyễn Thị Lương	19-01-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,93	TB - Khá
39	3110212040	Nguyễn Thị Ly	11-05-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,09	Khá
40	3110212041	Nguyễn Thị Thuý Nga	07-08-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12ĐD	7,08	Khá
41	3110212042	Đỗ Thị Ngọc	11-07-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,15	Khá
42	3110212043	Phạm Thị Nguyệt	28-04-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,73	TB - Khá
43	3110212045	Nguyễn Thị Nhung	17-08-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12ĐD	6,95	TB - Khá
44	3110212046	Hoàng Thị Oanh	13-01-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,64	TB - Khá
45	3110212048	Nguyễn Thanh Phương	25-11-1994	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12ĐD	7,18	Khá
46	3110212049	Nguyễn Thị Phương	27-09-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,25	Khá
47	3110212050	Đỗ Thị Phượng	09-05-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,41	Khá
48	3110212052	Nguyễn Thị Tâm	23-04-1994	Nữ	Phú Thọ	01ĐH12ĐD	6,73	TB - Khá
49	3110212054	Dương Thị Thảo	16-04-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,23	Khá
50	3110212055	Ngô Thị Dạ Thảo	05-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12ĐD	7,11	Khá
51	3110212056	Nguyễn Thị Hoài Thuý	05-10-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12ĐD	7,47	Khá
52	3110212057	Phạm Thu Thuý	13-08-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,1	Khá
53	3110212058	Nguyễn Thị Thuý Tiên	17-06-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,01	Khá
54	3110212059	Bạch Thị Tư	29-12-1994	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH12ĐD	7,33	Khá
55	3110212060	Bùi Thị Trang	09-01-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12ĐD	7,13	Khá
56	3110212061	Nguyễn Thị Trang	13-10-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,08	Khá
57	3110212062	Vũ Thị Trang	14-08-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,77	TB - Khá
58	3110212063	Đỗ Thị Trinh	30-10-1994	Nữ	Hải Phòng	01ĐH12ĐD	6,9	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
59	3110212064	Nguyễn Thị Quỳnh Yến	10-12-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,23	Khá
60	3110212065	Phạm Thị Nguyên	24-06-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	7,3	Khá
61	3110212066	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	18-12-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12ĐD	6,73	TB - Khá
62	3110612001	Đỗ Thị Kim Anh	31-07-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	6,48	TB - Khá
63	3110612003	Nguyễn Thị Ngọc ánh	12-07-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12GM	6,98	TB - Khá
64	3110612005	Nguyễn Thị Chinh	18-03-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	6,62	TB - Khá
65	3110612006	Trần Văn Cương	03-06-1993	Nam	Hải Dương	01ĐH12GM	7,15	Khá
66	3110612007	Phạm Đức Cường	07-10-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12GM	6,6	TB - Khá
67	3110612008	Phạm Thị Mỹ Duyên	05-09-1993	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12GM	6,78	TB - Khá
68	3110612010	Nguyễn Thị Dương	25-07-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12GM	6,79	TB - Khá
69	3110612011	Vũ Đình Đức	22-09-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12GM	7,28	Khá
70	3110612012	Nguyễn Thị Hoa	01-02-1993	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12GM	7,05	Khá
71	3110612013	Trịnh Thị Hồng	03-05-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	6,97	TB - Khá
72	3110612014	Nguyễn Thị Huyền	05-02-1994	Nữ	Lào Cai	01ĐH12GM	7,47	Khá
73	3110612015	Nguyễn Thị Thu Huyền	15-03-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12GM	7,04	Khá
74	3110612017	Lê Thị Hường	10-01-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12GM	7,12	Khá
75	3110612019	Nguyễn Trung Kiên	04-05-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12GM	6,5	TB - Khá
76	3110612020	Dương Thị Linh	04-10-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12GM	6,88	TB - Khá
77	3110612021	Nguyễn Thị Linh	05-03-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12GM	7,48	Khá
78	3110612022	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	17-10-1994	Nữ	Phú Thọ	01ĐH12GM	7,13	Khá
79	3110612023	Đào Văn Nghĩa	24-11-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12GM	6,71	TB - Khá
80	3110612024	Trần Thị Nhung	19-11-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12GM	7,14	Khá
81	3110612025	Trịnh Thị Nhung	04-02-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12GM	6,98	TB - Khá
82	3110612026	Lê Mạnh Nhượng	25-10-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12GM	6,8	TB - Khá
83	3110612027	Hoàng Thị Phương	24-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12GM	6,96	TB - Khá
84	3110612028	Nguyễn Thị Phượng	03-06-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12GM	6,64	TB - Khá
85	3110612029	Trần Thị Phượng	03-10-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12GM	7,16	Khá
86	3110612030	Phạm Thị Quỳnh	23-11-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	7	Khá
87	3110612031	Đặng Thị Thu Thảo	28-03-1994	Nữ	Lào Cai	01ĐH12GM	6,93	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
88	3110612032	Phan Thị Thảo	23-05-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	7,14	Khá
89	3110612033	Vũ Văn Thắng	08-03-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12GM	7,12	Khá
90	3110612034	Lê Thị Hà Thu	23-01-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	6,92	TB - Khá
91	3110612036	Phạm Thị Thanh Thủy	28-07-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	6,7	TB - Khá
92	3110612037	Nguyễn Thị Trang	01-07-1992	Nữ	Hung Yên	01ĐH12GM	6,92	TB - Khá
93	3110612038	Đinh Thị Anh Vân	03-07-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12GM	6,76	TB - Khá
94	3110612039	Vương Thị Bảo Yến	25-05-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12GM	7,07	Khá
95	3110612045	Lê Thị Mai	10-10-1993	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12GM	7,41	Khá
96	3110612047	Đỗ Thị Phương Lam	03-12-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12GM	7,24	Khá
97	3110612049	Phạm Thị Tuyên	09-01-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	6,63	TB - Khá
98	3110612050	Vũ Thị Thu	22-02-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12GM	7,25	Khá
99	3110112001	Lê Thị Ngọc Ánh	10-10-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12NHA	6,86	TB - Khá
100	3110112002	Bùi Thị Bình	09-09-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,73	Khá
101	3110112003	Hoàng Thị Bình	05-10-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	6,91	TB - Khá
102	3110112004	Nguyễn Thị Dung	27-10-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	6,74	TB - Khá
103	3110112005	Nguyễn Thị Dung	07-02-1994	Nữ	Nghệ An	01ĐH12NHA	7,27	Khá
104	3110112006	Phạm Viết Dũng	07-06-1993	Nam	Hải Phòng	01ĐH12NHA	6,94	TB - Khá
105	3110112007	Nguyễn Thị Điều	18-11-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12NHA	7,01	Khá
106	3110112008	Nguyễn Thị Giang	22-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12NHA	7,57	Khá
107	3110112009	Phạm Thị Chu Giang	20-04-1994	Nữ	Tuyên Quang	01ĐH12NHA	7,47	Khá
108	3110112011	Trần Thị Hà	21-07-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12NHA	7,12	Khá
109	3110112012	Nguyễn Thị Hào	26-12-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,17	Khá
110	3110112013	Đào Thị Hạnh	01-11-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,23	Khá
111	3110112014	Đỗ Đức Hạnh	07-10-1994	Nam	Quảng Ninh	01ĐH12NHA	6,69	TB - Khá
112	3110112016	Lê Hồng Hạnh	12-02-1993	Nữ	Hung Yên	01ĐH12NHA	7,1	Khá
113	3110112017	Hà Thị Hiền	16-09-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,4	Khá
114	3110112018	Nguyễn Thị Hiền	18-10-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12NHA	6,88	TB - Khá
115	3110112019	Nguyễn Thị Hiền	23-10-1994	Nữ	Nam Định	01ĐH12NHA	7,02	Khá
116	3110112020	Nguyễn Thị Thu Hiền	09-05-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,16	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
117	3110112021	Đặng Thị Huyền	05-10-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	6,94	TB - Khá
118	3110112022	Phùng Thị Mai Hương	14-12-1993	Nữ	Hung Yên	01ĐH12NHA	7,05	Khá
119	3110112023	Trần Thị Lan Hương	29-07-1994	Nữ	Hải Phòng	01ĐH12NHA	7,51	Khá
120	3110112024	Phan Thị Thu Hường	07-04-1993	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12NHA	7,25	Khá
121	3110112025	Lê Thị Liên	02-02-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12NHA	7,09	Khá
122	3110112028	Võ Thị Linh	10-08-1994	Nữ	Nghệ An	01ĐH12NHA	6,99	TB - Khá
123	3110112029	Trần Thị Ngân	26-04-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12NHA	7,21	Khá
124	3110112030	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	04-09-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12NHA	7,05	Khá
125	3110112031	Nguyễn Thị Nhanh	09-10-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12NHA	6,95	TB - Khá
126	3110112032	Nguyễn Thị Kim Nhung	03-06-1993	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12NHA	7,37	Khá
127	3110112033	Phạm Thị Oanh	29-04-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12NHA	7,3	Khá
128	3110112034	Nguyễn Thu Phương	18-10-1994	Nữ	Hải Phòng	01ĐH12NHA	7,39	Khá
129	3110112036	Nguyễn Thị Tấn	26-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12NHA	7,29	Khá
130	3110112037	Trần Thị Thanh	20-05-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12NHA	7,51	Khá
131	3110112039	Trần Anh Tuấn	01-06-1993	Nam	Nam Định	01ĐH12NHA	6,91	TB - Khá
132	3110112041	Lê Thị Xuân	02-01-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,49	Khá
133	3110112042	Nguyễn Thị Vân	21-02-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12NHA	6,77	TB - Khá
134	3110112043	Nguyễn Thị Yên	07-12-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12NHA	7,52	Khá
135	3110112045	Bùi Hải Dương	22-05-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12NHA	7,23	Khá
136	3110112046	Nguyễn Thị Tú	23-03-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12NHA	7,34	Khá
137	3110112047	Nguyễn Thị Nhung	01-08-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12NHA	7,32	Khá
138	3110112049	Lê Thị Nữ	03-05-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12NHA	7,03	Khá
139	2110212029	Phạm Thị Mai	01-02-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	6,71	TB - Khá
140	2110312062	Nguyễn Thị Hương	23-01-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,76	TB - Khá
141	3110112044	Chu Thị Hải Yến	20-11-1994	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH12HS	7,53	Khá
142	3110312001	Tổng Thị An	22-10-1994	Nữ	Hà Nam	01ĐH12HS	7,22	Khá
143	3110312002	Đinh Thị Anh	08-04-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,19	Khá
144	3110312003	Đỗ Thị Anh	08-11-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,24	Khá
145	3110312004	Nguyễn Phương Anh	01-06-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	6,78	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
146	3110312006	Phùng Thị ánh	21-01-1993	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12HS	7,56	Khá
147	3110312007	Hoàng Thị Bình	09-09-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12HS	7,32	Khá
148	3110312008	Trần Thị Bình	15-10-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,74	TB - Khá
149	3110312009	Phạm Thị Chinh	13-09-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,71	TB - Khá
150	3110312010	Trần Thị Kim Cúc	08-04-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12HS	7,56	Khá
151	3110312011	Cao Thị Diệu	21-03-1994	Nữ	Nghệ An	01ĐH12HS	7,12	Khá
152	3110312012	Lê Thị Kim Dung	23-10-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12HS	7,55	Khá
153	3110312013	Lê Thị Hà	18-01-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12HS	6,88	TB - Khá
154	3110312014	Lê Thu Hà	23-03-1994	Nữ	Phú Thọ	01ĐH12HS	7,14	Khá
155	3110312015	Nguyễn Thị Hà	02-02-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	6,72	TB - Khá
156	3110312016	Hoàng Thị Thu Hiền	24-07-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12HS	6,72	TB - Khá
157	3110312017	Lương Thị Phương Hoa	08-10-1994	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH12HS	7,33	Khá
158	3110312018	Đoàn Thị Thanh Hồng	13-05-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,14	Khá
159	3110312019	Nguyễn Thị Hồng	19-10-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	6,75	TB - Khá
160	3110312020	Trần Thị Hồng	24-07-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,75	TB - Khá
161	3110312021	Nguyễn Thị Huệ	12-02-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,3	Khá
162	3110312022	Lê Thị Huyền	11-11-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12HS	7,41	Khá
163	3110312024	Phạm Thị Hường	04-02-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,75	TB - Khá
164	3110312025	Trần Thị Hường	12-06-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12HS	7,32	Khá
165	3110312026	Đỗ Thị Liên	02-07-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,19	Khá
166	3110312027	Phạm Thị Liên	01-02-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,6	TB - Khá
167	3110312028	Tổng Thị Thuỳ Linh	23-07-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	7,05	Khá
168	3110312029	Nguyễn Thị Lương	17-01-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12HS	7,41	Khá
169	3110312030	Nguyễn Thị Mơ	13-11-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12HS	7	Khá
170	3110312031	Lê Thị Nga	02-03-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12HS	6,98	TB - Khá
171	3110312032	Lê Thị Ngoan	23-04-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,83	TB - Khá
172	3110312033	Trần Thị Ngọc	01-04-1993	Nữ	Hòa Bình	01ĐH12HS	6,87	TB - Khá
173	3110312034	Vũ Thị Nhân	25-05-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,16	Khá
174	3110312035	Nguyễn Thị Thùy Nhung	05-06-1992	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12HS	6,62	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
175	3110312036	Vũ Thị Nhung	02-06-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	7,21	Khá
176	3110312037	Thân Thị Nôi	27-12-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	6,51	TB - Khá
177	3110312038	Trần Thị Oanh	24-09-1992	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	6,82	TB - Khá
178	3110312039	Đào Thị Phương	24-05-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12HS	6,82	TB - Khá
179	3110312040	Nguyễn Minh Phương	10-11-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	7,2	Khá
180	3110312041	Nguyễn Thị Minh Phương	11-03-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	7,66	Khá
181	3110312042	Phạm Minh Phương	01-09-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,24	Khá
182	3110312044	Nguyễn Thị Thanh	03-11-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,99	TB - Khá
183	3110312045	Vũ Thị Thanh	23-01-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,68	TB - Khá
184	3110312046	Nguyễn Thị Phương Thảo	16-10-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	7,1	Khá
185	3110312047	Ngô Thị Thắm	25-03-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	7,03	Khá
186	3110312048	Nguyễn Thị Hoài Thu	08-01-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	7,08	Khá
187	3110312049	Trương Thị Thu	26-06-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12HS	6,56	TB - Khá
188	3110312050	Nguyễn Thị Thuỷ	13-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12HS	7,78	Khá
189	3110312051	Vũ Thu Thủy	28-03-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	6,54	TB - Khá
190	3110312052	Nguyễn Thị Tuyền	08-01-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12HS	7,54	Khá
191	3110312053	Hà Thị Trang	25-12-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12HS	6,95	TB - Khá
192	3110312054	Dương Thị Phương Yến	10-02-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12HS	7,25	Khá
193	3110312056	Chu Thị Hồng	05-11-1994	Nữ	Hà Nam	01ĐH12HS	6,87	TB - Khá
194	3110312057	Nguyễn Thị Thùy Linh	21-12-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12HS	7,03	Khá
195	2110512047	Trương Thị Phương Thảo	01-06-1994	Nữ	Lào Cai	01ĐH12XN	7,1	Khá
196	3110512001	Bùi Thị An	21-02-1994	Nữ	Điện Biên	01ĐH12XN	7,62	Khá
197	3110512002	Hoàng Thị Lan Anh	04-04-1990	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12XN	6,46	TB - Khá
198	3110512003	Nguyễn Thị Vân Anh	21-04-1994	Nữ	Điện Biên	01ĐH12XN	7,6	Khá
199	3110512006	Đào Thị Biên	01-10-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,35	Khá
200	3110512007	Nguyễn Thị Phượng Chinh	26-10-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12XN	7,36	Khá
201	3110512008	Đỗ Thị Chung	04-04-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12XN	7,45	Khá
202	3110512009	Lê Thị Dung	20-12-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12XN	7,34	Khá
203	3110512010	Phạm Thị Kim Dung	12-10-1993	Nữ	Cao Bằng	01ĐH12XN	7,55	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
204	3110512011	Vũ Thị Duyên	26-05-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12XN	7,92	Khá
205	3110512012	Lê Thùy Dương	03-11-1994	Nữ	Lào Cai	01ĐH12XN	7,3	Khá
206	3110512013	Trương Quang Đoàn	25-10-1993	Nam	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,39	Khá
207	3110512014	Phạm Anh Đức	25-03-1994	Nam	Nam Định	01ĐH12XN	6,81	TB - Khá
208	3110512015	Trần Thị Hát	01-08-1994	Nữ	Nam Định	01ĐH12XN	7,43	Khá
209	3110512016	Phạm Thị Thu Hà	03-08-1994	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12XN	7,48	Khá
210	3110512017	Tô Thị Hải	22-11-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12XN	6,85	TB - Khá
211	3110512018	Trương Thị Hằng	25-05-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12XN	6,81	TB - Khá
212	3110512019	Ma Thị Hậu	15-11-1993	Nữ	Tuyên Quang	01ĐH12XN	7,44	Khá
213	3110512021	Chu Thị Hòa	10-10-1993	Nữ	Nghệ An	01ĐH12XN	7,19	Khá
214	3110512023	Nguyễn Thị Huệ	02-12-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,6	Khá
215	3110512024	Đào Thị Huyền	22-08-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12XN	8,02	Giỏi
216	3110512025	Nguyễn Thị Huyền	06-04-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12XN	7,52	Khá
217	3110512026	Đặng Thị Thu Hương	01-02-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,16	Khá
218	3110512027	Nhữ Thị Hương	23-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,44	Khá
219	3110512028	Đinh Thị Hường	31-08-1993	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,36	Khá
220	3110512029	Nguyễn Thị Ngọc Lan	05-12-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,22	Khá
221	3110512030	Trần Thị Lệ	09-05-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,26	Khá
222	3110512031	Nguyễn Thu Liên	23-04-1994	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH12XN	7,04	Khá
223	3110512032	Nguyễn Thị Phương Linh	12-01-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,05	Khá
224	3110512033	Phạm Kiều Linh	24-09-1993	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12XN	7,64	Khá
225	3110512034	Nguyễn Thị Minh	28-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,2	Khá
226	3110512035	Nguyễn Thuý Ngân	20-03-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12XN	6,94	TB - Khá
227	3110512036	Vũ Thị Ngân	22-01-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,66	Khá
228	3110512037	Bùi Thị Bích Ngọc	14-11-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	6,57	TB - Khá
229	3110512038	Đồng Thị Ngọc	03-07-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,55	Khá
230	3110512039	Nguyễn Thị Lan Nhi	11-09-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	7,46	Khá
231	3110512040	Nguyễn Hồng Nhung	11-01-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,55	Khá
232	3110512041	Nguyễn Thị Nhường	06-02-1994	Nữ	Hưng Yên	01ĐH12XN	6,78	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
233	3110512042	Nông Thị Thu Oanh	06-10-1994	Nữ	Yên Bái	01ĐH12XN	6,99	TB - Khá
234	3110512044	Tạ Thị Phụng	25-07-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12XN	7,86	Khá
235	3110512045	Vũ Thị Sim	28-04-1994	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12XN	7,8	Khá
236	3110512046	Lê Thị Hải Tâm	03-11-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12XN	7,3	Khá
237	3110512047	Tường Duy Thanh	20-08-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12XN	6,71	TB - Khá
238	3110512048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	15-03-1993	Nữ	Nghệ An	01ĐH12XN	6,86	TB - Khá
239	3110512049	Nguyễn Thị Diện Thu	24-11-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12XN	7,33	Khá
240	3110512050	Trần Thị Thu	07-05-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,24	Khá
241	3110512051	Nguyễn Thị Thuỷ	20-02-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12XN	7,82	Khá
242	3110512052	Tạ Ngọc Tuấn	07-09-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12XN	7,21	Khá
243	3110512054	Phan Khắc Tùng	23-08-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12XN	7,67	Khá
244	3110512055	Nguyễn Thị Trang	29-03-1993	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12XN	7,05	Khá
245	3110512056	Liễu Thị Vân	27-03-1993	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH12XN	6,68	TB - Khá
246	3110512057	Triệu Thị Vân	27-10-1993	Nữ	Tuyên Quang	01ĐH12XN	7,09	Khá
247	3110512058	Lô Thị Ngọc Yến	02-03-1993	Nữ	Nghệ An	01ĐH12XN	6,74	TB - Khá
248	311051108	Lê Thị Thảo	26-03-1993	Nữ	Thanh Hóa	02DH12XN	7,13	Khá
249	3110512060	Đỗ Thị Quỳnh Anh	20-09-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,44	Khá
250	3110512061	Nguyễn Thị Mai Anh	08-04-1994	Nữ	TP Hà Nội	02DH12XN	7,08	Khá
251	3110512062	Quách Công Tuấn Anh	02-08-1993	Nam	Thanh Hóa	02DH12XN	6,33	TB - Khá
252	3110512063	Trịnh Thị Vân Anh	25-05-1992	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,73	Khá
253	3110512065	Đỗ Lê Kim Chi	15-09-1994	Nữ	Thanh Hóa	02DH12XN	7,03	Khá
254	3110512066	Phạm Thị Chinh	05-07-1994	Nữ	Hưng Yên	02DH12XN	6,65	TB - Khá
255	3110512067	Nguyễn Thị Kim Cúc	26-09-1994	Nữ	Nghệ An	02DH12XN	6,74	TB - Khá
256	3110512068	Nguyễn Thị Dung	06-11-1994	Nữ	Thái Bình	02DH12XN	7,16	Khá
257	3110512069	Phùng Thị Kim Dung	26-11-1994	Nữ	Vĩnh Phúc	02DH12XN	7,76	Khá
258	3110512070	Nguyễn Tiến Dũng	11-12-1994	Nam	TP Hà Nội	02DH12XN	7,46	Khá
259	3110512071	Nguyễn Thùy Dương	29-04-1993	Nữ	TP Hà Nội	02DH12XN	7,62	Khá
260	3110512072	Nguyễn Thị Hà Giang	05-12-1993	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,01	Khá
261	3110512073	Nguyễn Thu Hà	30-05-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,42	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
262	3110512074	Kha Thị Hải	12-06-1993	Nữ	Nghệ An	02DH12XN	6,71	TB - Khá
263	3110512075	Vũ Thị Hải	24-05-1994	Nữ	Nam Định	02DH12XN	7,13	Khá
264	3110512076	Vũ Thị Thanh Hằng	17-12-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,28	Khá
265	3110512077	Phạm Thị Hiền	23-09-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,44	Khá
266	3110512078	Mai Thị Kim Hoàng	30-04-1994	Nữ	Thanh Hóa	02DH12XN	7,67	Khá
267	3110512079	Lê Thị Hồng	13-09-1992	Nữ	Nghệ An	02DH12XN	6,66	TB - Khá
268	3110512080	Lưu Thị Huệ	15-08-1993	Nữ	Thanh Hóa	02DH12XN	6,81	TB - Khá
269	3110512081	Lường Tú Huy	01-11-1994	Nam	Thanh Hóa	02DH12XN	6,8	TB - Khá
270	3110512082	Đôn Thị Huyền	01-06-1994	Nữ	Bắc Giang	02DH12XN	7,38	Khá
271	3110512083	Hoàng Thị Hương	20-02-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	6,77	TB - Khá
272	3110512085	Trần Mậu Khoẻ	21-10-1994	Nam	Hải Dương	02DH12XN	7,24	Khá
273	3110512086	Phạm Thị Lan	17-01-1994	Nữ	Bắc Giang	02DH12XN	7,65	Khá
274	3110512087	Nguyễn Thị Hồng Liên	19-08-1994	Nữ	Hà Nam	02DH12XN	7,48	Khá
275	3110512088	Nguyễn Thị Linh	20-08-1994	Nữ	Thanh Hóa	02DH12XN	6,99	TB - Khá
276	3110512089	Nguyễn Thị Thuý Linh	01-09-1994	Nữ	Phú Thọ	02DH12XN	7,47	Khá
277	3110512091	Vũ Đức Mạnh	20-04-1994	Nam	Phú Thọ	02DH12XN	6,59	TB - Khá
278	3110512092	Đỗ Thị Nam	12-10-1994	Nữ	Hung Yên	02DH12XN	7,26	Khá
279	3110512093	Phạm Thị Ngân	22-06-1994	Nữ	Ninh Bình	02DH12XN	7,7	Khá
280	3110512094	Cao Thị Ngọc	06-08-1993	Nữ	Nghệ An	02DH12XN	7	Khá
281	3110512095	Phạm Thị Nhài	01-10-1994	Nữ	TP Hà Nội	02DH12XN	7,77	Khá
282	3110512096	Ngô Thị Nhung	10-07-1994	Nữ	Bắc Ninh	02DH12XN	7,07	Khá
283	3110512097	Nguyễn Thị Như	08-08-1994	Nữ	Bắc Giang	02DH12XN	7,15	Khá
284	3110512099	Trần Văn Phóng	09-07-1994	Nam	Nam Định	02DH12XN	6,7	TB - Khá
285	3110512100	Hoàng Thị Tâm	14-05-1993	Nữ	Bắc Giang	02DH12XN	7,54	Khá
286	3110512101	Nguyễn Thị Tâm	28-01-1994	Nữ	Bắc Ninh	02DH12XN	7,13	Khá
287	3110512102	Nguyễn Thị Thảo	29-07-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,28	Khá
288	3110512104	Hồ Thị Thu	25-02-1994	Nữ	Nghệ An	02DH12XN	7,25	Khá
289	3110512105	Phạm Thị Thu	12-05-1994	Nữ	Nam Định	02DH12XN	7,14	Khá
290	3110512106	Nguyễn Thị Thuý	15-03-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,55	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
291	3110512107	Nguyễn Thị Thúy	30-11-1994	Nữ	Thanh Hóa	02DH12XN	7,47	Khá
292	3110512108	Bùi Thị Thương	18-08-1994	Nữ	Thái Bình	02DH12XN	7,28	Khá
293	3110512109	Phùng Văn Tuất	22-02-1994	Nam	TP Hà Nội	02DH12XN	6,87	TB - Khá
294	3110512110	Vũ Văn Tuyển	01-09-1994	Nam	Hải Dương	02DH12XN	6,5	TB - Khá
295	3110512111	Bùi Thị Trang	24-11-1993	Nữ	Hà Nam	02DH12XN	7,58	Khá
296	3110512112	Nguyễn Thị Trang	26-06-1993	Nữ	Bắc Giang	02DH12XN	7,19	Khá
297	3110512113	Nguyễn Thị Khánh Vân	01-10-1994	Nữ	Hải Dương	02DH12XN	7,5	Khá
298	3110512114	Phạm Thị Vui	14-07-1994	Nữ	Hung Yên	02DH12XN	7,25	Khá
299	3110512115	Đỗ Thị Huyền	04-09-1993	Nữ	Thái Bình	02DH12XN	7,55	Khá
300	3110512116	Nguyễn Mai Linh	22-07-1993	Nữ	Thái Bình	02DH12XN	7,6	Khá
301	3110812044	Lê Thị Thu Hương	06-11-1993	Nữ	Bắc Ninh	02DH12XN	7,48	Khá
302	311081043	Nông Thị Hiền	30-08-1993	Nữ	Bắc Kạn	01ĐH12VLTL	7,16	Khá
303	3110812001	Nguyễn Hải An	09-12-1994	Nam	Hải Phòng	01ĐH12VLTL	6,78	TB - Khá
304	3110812002	Phan Thị Lan Anh	14-12-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12VLTL	7,54	Khá
305	3110812004	Hà Thị Thủy Dung	08-06-1994	Nữ	Lào Cai	01ĐH12VLTL	7,11	Khá
306	3110812005	Vũ Thị Dung	18-08-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12VLTL	7,64	Khá
307	3110812006	Nguyễn Thùy Dương	08-11-1994	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12VLTL	7,11	Khá
308	3110812007	Nguyễn Hữu Đại	03-04-1994	Nam	Thanh Hóa	01ĐH12VLTL	6,78	TB - Khá
309	3110812008	Cao Văn Đạt	19-01-1994	Nam	Hải Phòng	01ĐH12VLTL	6,95	TB - Khá
310	3110812009	Lê Thu Hà	02-05-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12VLTL	7,04	Khá
311	3110812010	Hoàng Thành Hảo	09-08-1994	Nam	Lâm Đồng	01ĐH12VLTL	7,59	Khá
312	3110812011	Hoàng Thị Hạnh	02-06-1994	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH12VLTL	7,71	Khá
313	3110812012	Vũ Thị Hiền	19-04-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12VLTL	7,15	Khá
314	3110812014	Phùng Thị Hoài	15-11-1993	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH12VLTL	7,39	Khá
315	3110812016	Đào Thị Hồng	03-08-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12VLTL	6,83	TB - Khá
316	3110812017	Hoàng Thị Hồng	12-11-1993	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12VLTL	7,45	Khá
317	3110812018	Ngô Việt Hưng	20-04-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12VLTL	7,01	Khá
318	3110812019	Nguyễn Quang Khải	12-04-1993	Nam	Hung Yên	01ĐH12VLTL	6,79	TB - Khá
319	3110812020	Vũ Văn Khơ	04-03-1993	Nam	Hải Dương	01ĐH12VLTL	7,15	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
320	3110812021	Nguyễn Thị Mai Lan	11-08-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	7,15	Khá
321	3110812022	Đỗ Thị Hương Liên	11-04-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	7,75	Khá
322	3110812023	Nguyễn Kim Liên	28-06-1993	Nữ	Thái Nguyên	01ĐH12VLTL	7,75	Khá
323	3110812024	Dương Thị Cẩm Linh	03-09-1994	Nữ	Hà Tĩnh	01ĐH12VLTL	7,06	Khá
324	3110812025	Đoàn Thị Linh	16-07-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12VLTL	7,03	Khá
325	3110812027	Chu Thị Ngọc Mai	20-12-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	7,86	Khá
326	3110812028	Nguyễn Thị Hoa Mai	04-12-1994	Nữ	Thái Bình	01ĐH12VLTL	7,75	Khá
327	3110812029	Trần Thị Nga	21-11-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12VLTL	6,99	TB - Khá
328	3110812030	Trần Thị ánh Nguyệt	18-02-1993	Nữ	Lào Cai	01ĐH12VLTL	7,12	Khá
329	3110812031	Đinh Thị Thu Phương	10-04-1993	Nữ	Ninh Bình	01ĐH12VLTL	7,66	Khá
330	3110812033	Phan Văn Thanh	17-04-1994	Nam	Hòa Bình	01ĐH12VLTL	6,85	TB - Khá
331	3110812034	Lê Thị Thảo	07-04-1994	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH12VLTL	7,7	Khá
332	3110812035	Lương Thị Thảo	24-04-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	6,9	TB - Khá
333	3110812036	Hoàng Thị Thanh Thủy	08-01-1993	Nữ	Thái Bình	01ĐH12VLTL	7,63	Khá
334	3110812037	Trần Văn Tuấn	05-09-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	6,88	TB - Khá
335	3110812038	Vũ Quang Tuấn	09-11-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12VLTL	6,87	TB - Khá
336	3110812039	Lò Thị Tươi	06-08-1994	Nữ	Điện Biên	01ĐH12VLTL	7,14	Khá
337	3110812040	Nguyễn Thị Thủy Trang	19-02-1993	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	7,71	Khá
338	3110812041	Đinh Thị Vân	03-03-1993	Nữ	Phú Thọ	01ĐH12VLTL	7,27	Khá
339	3110812042	Tăng Thị Cúc	08-03-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12VLTL	6,89	TB - Khá
340	3110812043	Nguyễn Văn Dương	18-11-1991	Nam	TP Hà Nội	01ĐH12VLTL	7,26	Khá
341	3110812045	Trần Khánh Linh	12-11-1993	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH12VLTL	7,4	Khá
342	3110812046	Phan Thị Vân Huyền	29-09-1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH12VLTL	7,32	Khá
343	3110812047	Nguyễn Thị Thảo	19-02-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12VLTL	7,64	Khá
344	3110812049	Nguyễn Thị Thêu	25-11-1993	Nữ	Nam Định	01ĐH12VLTL	7,18	Khá
345	3110812051	Đỗ Thị Thu Thủy	20-12-1994	Nữ	Hung Yên	01ĐH12VLTL	7,33	Khá
346	3110812052	Tổng Mai Phương	08-11-1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH12VLTL	7,47	Khá
347	3110812053	Nguyễn Thị Thu Hương	13-05-1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH12VLTL	7,87	Khá
348	3110712002	Lương Tuấn Anh	20-06-1993	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	6,79	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
349	3110712003	Nguyễn Duy Đức Anh	09-08-1994	Nam	TP Hà Nội	01ĐH12KTHA	6,92	TB - Khá
350	3110712005	Đình Xuân Chính	20-05-1994	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	7,22	Khá
351	3110712006	Hà Huy Cường	02-10-1993	Nam	Hà Tĩnh	01ĐH12KTHA	7,77	Khá
352	3110712007	Nguyễn Mạnh Cường	11-08-1994	Nam	Phú Thọ	01ĐH12KTHA	6,96	TB - Khá
353	3110712008	Sùng A Cường	20-03-1994	Nam	Điện Biên	01ĐH12KTHA	7,37	Khá
354	3110712009	Vũ Văn Cừ	14-02-1993	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	6,91	TB - Khá
355	3110712010	Ngô Văn Danh	12-04-1993	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	6,77	TB - Khá
356	3110712011	Nguyễn Ngọc Duy	22-04-1994	Nam	Hung Yên	01ĐH12KTHA	7,29	Khá
357	3110712012	Hà Văn Dũng	27-10-1994	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	7,28	Khá
358	3110712014	Phí Đình Dũng	22-03-1994	Nam	TP Hà Nội	01ĐH12KTHA	7,78	Khá
359	3110712015	Trần Văn Dũng	22-10-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12KTHA	7,94	Khá
360	3110712017	Vũ Văn Dương	27-06-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	6,52	TB - Khá
361	3110712018	Đào Văn Đại	24-12-1992	Nam	Hung Yên	01ĐH12KTHA	7,52	Khá
362	3110712019	Phạm Trọng Đại	15-05-1994	Nam	Hung Yên	01ĐH12KTHA	7,08	Khá
363	3110712021	Nông Hải Đăng	03-10-1992	Nam	Cao Bằng	01ĐH12KTHA	7,19	Khá
364	3110712023	Lê Minh Đức	06-07-1993	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	6,31	TB - Khá
365	3110712024	Phạm Trung Đức	03-01-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7	Khá
366	3110712025	Nguyễn Hữu Giáp	04-11-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,24	Khá
367	3110712026	Nguyễn Công Hậu	12-08-1994	Nam	Tuyên Quang	01ĐH12KTHA	7,31	Khá
368	3110712027	Đoàn Trung Hiếu	23-08-1994	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	7,89	Khá
369	3110712028	Lê Trung Hiếu	16-07-1992	Nam	Phú Thọ	01ĐH12KTHA	7,01	Khá
370	3110712029	Nguyễn Văn Hoá	28-12-1994	Nam	Hung Yên	01ĐH12KTHA	6,52	TB - Khá
371	3110712030	Lê Việt Huy Hoàng	01-07-1993	Nam	Hung Yên	01ĐH12KTHA	7,25	Khá
372	3110712031	Lù Nhật Hoàng	06-10-1994	Nam	Tuyên Quang	01ĐH12KTHA	6,64	TB - Khá
373	3110712032	Trần Văn Huân	20-12-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	7,65	Khá
374	3110712033	Lường Đình Hùng	20-10-1994	Nam	Thanh Hóa	01ĐH12KTHA	7,47	Khá
375	3110712034	Bùi Ngọc Khánh	05-05-1994	Nam	Nam Định	01ĐH12KTHA	7,19	Khá
376	3110712035	Trần Quang Khải	10-12-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	6,86	TB - Khá
377	3110712038	Nguyễn Văn Linh	22-03-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12KTHA	7,55	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
378	3110712039	Bùi Văn Long	19-12-1993	Nam	Hưng Yên	01ĐH12KTHA	6,87	TB - Khá
379	3110712040	Nguyễn Văn Long	20-06-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	6,88	TB - Khá
380	3110712041	Vũ Hoàng Long	24-10-1994	Nam	Quảng Ninh	01ĐH12KTHA	7,09	Khá
381	3110712043	Nguyễn Hoàng Minh	11-11-1994	Nam	Hải Phòng	01ĐH12KTHA	6,87	TB - Khá
382	3110712044	Đặng Giang Nam	04-06-1990	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,4	Khá
383	3110712045	Vũ Đình Nghị	27-05-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,11	Khá
384	3110712047	Võ Duy Ngọc	30-09-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12KTHA	7,01	Khá
385	3110712048	Nguyễn Văn Nhật	22-03-1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12KTHA	7,55	Khá
386	3110712049	Đoàn Công Quang	21-02-1994	Nam	Thanh Hóa	01ĐH12KTHA	7,11	Khá
387	3110712050	Bùi Huy Sáng	23-02-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,29	Khá
388	3110712051	Bùi Xuân Sinh	12-09-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	6,54	TB - Khá
389	3110712053	Lê Tiến Sỹ	06-08-1994	Nam	Hưng Yên	01ĐH12KTHA	7,05	Khá
390	3110712055	Bùi Văn Tâm	20-10-1993	Nam	Thanh Hóa	01ĐH12KTHA	7,06	Khá
391	3110712057	Nguyễn Đình Thành	17-08-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	6,53	TB - Khá
392	3110712059	Đặng Văn Thiệp	17-12-1993	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	7,04	Khá
393	3110712060	Vũ Trọng Thuỷ	26-04-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	6,49	TB - Khá
394	3110712061	Dương Văn Toàn	22-01-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	7,07	Khá
395	3110712062	Nguyễn Văn Tú	26-04-1994	Nam	Thanh Hóa	01ĐH12KTHA	7,14	Khá
396	3110712063	Ngô Quang Tùng	20-08-1993	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12KTHA	7,44	Khá
397	3110712064	Trần Thanh Tùng	15-03-1994	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	7,34	Khá
398	3110712065	Bùi Thành Trung	18-09-1994	Nam	Hòa Bình	01ĐH12KTHA	6,74	TB - Khá
399	3110712066	Bùi Văn Trường	03-10-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,49	Khá
400	3110712067	Dương Văn Trường	03-05-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	6,67	TB - Khá
401	3110712070	Nguyễn Tuấn Dũng	28-03-1994	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	8,03	Giỏi
402	3110712071	Trịnh Tiến Cường	22-08-1993	Nam	Bắc Giang	01ĐH12KTHA	6,56	TB - Khá
403	3110712073	Vũ Hồng Quang	16-08-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,02	Khá
404	3110712077	Trần Trung Anh	26-02-1994	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	7,53	Khá
405	3110712078	Nguyễn Văn Hiền	09-07-1993	Nam	Hưng Yên	01ĐH12KTHA	6,68	TB - Khá
406	3110712080	Đặng Xuân Khang	12-09-1994	Nam	Hưng Yên	01ĐH12KTHA	6,93	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2016)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2016)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
407	3110712081	Vũ Văn Tuấn	07-01-1993	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,07	Khá
408	3110712082	Ngô Quang Lập	08-01-1994	Nam	Hải Dương	01ĐH12KTHA	7,58	Khá
409	3110712083	Phạm Xuân Tiến	14-01-1994	Nam	TP Hà Nội	01ĐH12KTHA	7,07	Khá
410	3110712084	Vũ Minh Tuấn	16-10-1994	Nam	TP Hà Nội	01ĐH12KTHA	7,33	Khá
411	3110712085	Nguyễn Hữu Linh	20-05-1993	Nam	TP Hà Nội	01ĐH12KTHA	7,23	Khá
412	3110712086	Nguyễn Quang Tuấn	15-03-1991	Nam	Bắc Ninh	01ĐH12KTHA	7,02	Khá
413	211051115	Phạm Thị Liên	12-12-1992	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH11XN	7,17	Khá
414	211051131	Nguyễn Thị Tư	08-05-1993	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH11XN	7,57	Khá
415	311051124	Phạm Văn Minh	09-10-1992	Nam	Thanh Hóa	01ĐH11XN	6,15	TB - Khá
416	311061053	Nguyễn Văn Tuy	12-09-1992	Nam	Hải Dương	01ĐH11GMHS	6,11	TB - Khá
417	311011062	Lê Bá Trình	07-03-1993	Nam	Hải Dương	01ĐH11NHA	6,26	TB - Khá
418	311081007	Phạm Thanh Chung	02-01-1993	Nam	Bắc Ninh	01ĐH11VL	6,77	TB - Khá
419	3110711007	Trịnh Xuân Anh	20-02-1988	nam	Thanh Hóa	01ĐH11KTHA	6,49	TB - Khá
420	311071056	Nguyễn Anh Tuấn	01-02-1993	nam	Phú Thọ	01ĐH11HA	6,58	TB - Khá
421	311071068	Chu Duy Thực	27-08-1993	Nam	Bắc Kạn	01ĐH11HA	6,42	TB - Khá

Hải Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2016

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thị Minh Tâm

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Thị Diệu Hằng